

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố danh mục thủ tục hành chính cắt giảm 50% thời gian giải quyết
thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước
của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Huế**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1759/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế về phê duyệt phương án đơn giản hóa về cắt giảm 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Huế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 2957/TTr-SGDĐT ngày 10 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 90 thủ tục hành chính (TTHC) được cắt giảm 50% thời gian giải quyết TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Huế (bao gồm 57 TTHC cấp tỉnh và 33 TTHC cấp xã) và 19 TTHC giữ nguyên thời gian giải quyết (đính kèm Phụ lục).

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, giao trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị thực hiện các công việc sau:

1. Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện cập nhật Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC

theo đúng quy định; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết các TTHC trước ngày 26/6/2026.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm: niêm yết, công khai và triển khai thực hiện giải quyết TTHC liên quan theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

1. Sửa đổi, bổ sung về thời gian thực hiện TTHC đối với **20** Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố về công bố danh mục TTHC, công bố TTHC liên quan (*Phụ lục II. Danh mục Quyết định kèm theo*).

2. Bãi bỏ các TTHC cấp tỉnh gồm: có số thứ tự 04, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 17, 19, 32, 33, 45, 47, 49, 50, 51, 52, 55, 56, 58, 59, 60, 61, 63, 77, 78, 83, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 91, 92, 93, 94, 95, 99, 100, 102, 103, 104, 105, 106, 107, 108 tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 1759/QĐ-UBND ngày 01/6/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế về phê duyệt phương án đơn giản hóa về cắt giảm 50% thời gian giải quyết thủ TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Huế.

3. Bãi bỏ các TTHC cấp xã gồm: có số thứ tự 05, 06, 07, 08, 09, 10, 40, 41, 42, 43 Phụ lục II kèm theo Quyết định số 1759/QĐ-UBND ngày 01/6/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế về phê duyệt phương án đơn giản hóa về cắt giảm 50% thời gian giải quyết TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Huế.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Các PCVP UBND thành phố;
- TT PVHCC; Công TTĐT;
- Lưu: VT, KSNC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Mạnh

Phụ lục I**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CẮT GIẢM 50% THỜI GIAN GIẢI QUYẾT
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO***(Kèm theo Quyết định số 2136/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố Huế)***A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian thực hiện sau cắt giảm	Phí, lệ phí	Cách thức và Địa điểm thực hiện	Tên VBQPPL quy định TTHC	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện trước cắt giảm
I.	Lĩnh vực Giáo dục thường xuyên							
1.	3.000315	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	6 ngày làm việc	Không	Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, cấp xã hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; 125/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP của Chính phủ	Sở Giáo dục và Đào tạo	20 ngày làm việc
2.	1.012988	Giải thể trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	10 ngày làm việc	Không		Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; 125/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP của Chính phủ	Sở Giáo dục và Đào tạo	20 ngày làm việc
3.	1.013755	Cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực	10 ngày làm việc	Không		Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; 125/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP của Chính phủ	Sở Giáo dục và Đào tạo	20 ngày làm việc
4.	1.013757	Sáp nhập, chia, tách trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực	12 ngày làm việc	Không		Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; 125/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP của Chính phủ	Sở Giáo dục và Đào tạo	25 ngày làm việc

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian thực hiện sau cắt giảm	Phí, lệ phí	Cách thức và Địa điểm thực hiện	Tên VBQPPL quy định TTHC	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện trước cắt giảm
5.	1.013751	Cho phép thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thục	12.5 ngày làm việc	Không	Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, cấp xã hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP của Chính phủ	Sở Giáo dục và Đào tạo	25 ngày làm việc
6.	1.013754	Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thục	8 ngày làm việc	Không		Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP của Chính phủ	Sở Giáo dục và Đào tạo	25 ngày làm việc
7.	1.013753	Sáp nhập, chia, tách trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thục	10 ngày làm việc	Không		Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP của Chính phủ	Sở Giáo dục và Đào tạo	25 ngày làm việc
8.	3.000317	Sáp nhập, chia, tách trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	8 ngày làm việc	Không		Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; 125/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP của Chính phủ	Sở Giáo dục và Đào tạo	20 ngày làm việc
9.	1.013758	Giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thục (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập)	12 ngày làm việc	Không		Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; 125/2024/NĐ-CP của Chính phủ	Sở Giáo dục và Đào tạo	25 ngày làm việc
II.	Lĩnh vực Văn bằng, chứng chỉ							

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian thực hiện sau cắt giảm	Phí, lệ phí	Cách thức và Địa điểm thực hiện	Tên VBQPPL quy định TTHC	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện trước cắt giảm
10.	3.000466	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp tỉnh)	1.5 ngày làm việc	Không	Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, cấp xã hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Thông tư số 10/2026/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Nghị định số 66.7/2025/NQ-CP của Chính phủ	Sở Giáo dục và Đào tạo/ cơ quan khác	3 ngày làm việc
11.	1.004889	Công nhận bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam	10 ngày làm việc	Trường hợp 1: 250.000 (theo quy định); Trường hợp 2: 500.000 (theo quy định)		Thông tư số 07/2024/TT-BGDĐT; 13/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	20 ngày làm việc
12.	2.002850	Cấp lại văn bằng, chứng chỉ	1.5 ngày làm việc	Không		Thông tư số 10/2026/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo/ cơ quan khác	3 ngày làm việc
III.	Lĩnh vực Giáo dục trung học							
13.	1.012953	Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục	11 ngày làm việc	Không	Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành	Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; 125/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; 66.18/2026/NQ-CP; 23/2026/NQ-CP của Chính phủ	Sở Giáo dục và Đào tạo	22 ngày làm việc

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian thực hiện sau cắt giảm	Phí, lệ phí	Cách thức và Địa điểm thực hiện	Tên VBQPPL quy định TTHC	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện trước cắt giảm
14.	1.012956	Giải thể trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	10 ngày làm việc	Không	chính công thành phố, cấp xã hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; 125/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP; 23/2026/NQ-CP của Chính phủ	- Cơ quan thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo; - Cơ quan/Người có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố.	20 ngày làm việc
15.	1.012955	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông	12.5 ngày làm việc	Không		Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; 66.18/2026/NQ-CP của Chính phủ	- Cơ quan thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo; - Cơ quan/Người có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố.	25 ngày làm việc
16.	1.012944	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung	12.5 ngày làm việc	Không		Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; 125/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP; 23/2026/NQ-CP của Chính phủ	- Cơ quan thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo; - Cơ quan/Người	25 ngày làm việc

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian thực hiện sau cắt giảm	Phí, lệ phí	Cách thức và Địa điểm thực hiện	Tên VBQPPL quy định TTHC	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện trước cắt giảm
		học phổ thông			tâm Phục vụ hành chính công thành phố, cấp xã hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)		có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố.	
IV. Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp								
17.	2.001959	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	1.5 ngày làm việc	Không	Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, cấp xã, cơ sở giáo dục hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Nghị định số 37/2025/NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư số 11/2025/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo/Cơ sở giáo dục	3 ngày làm việc
18.	1.010593	Công nhận hội đồng quản trị trường trung cấp tư thục	7.5 ngày làm việc	Không	Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính	Luật giáo dục nghề nghiệp; Nghị định số 37/2025/NĐ-CP của Chính phủ	Sở Giáo dục và Đào tạo	15 ngày làm việc

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian thực hiện sau cắt giảm	Phí, lệ phí	Cách thức và Địa điểm thực hiện	Tên VBQPPL quy định TTHC	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện trước cắt giảm
19.	1.010594	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng quản trị trường trung cấp tư thực; chấm dứt hoạt động hội đồng quản trị	7.5 ngày làm việc	Không	công ích. Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, cấp xã hoặc	Luật giáo dục nghề nghiệp; Nghị định số 37/2025/NĐ-CP của Chính phủ	Sở Giáo dục và Đào tạo	15 ngày làm việc
20.	2.000130	Thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam	10 ngày làm việc	Không	nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Nghị định số 143/2025/NĐ-CP; 37/2025/NĐ-CP; 15/2019/NĐ-CP của Chính phủ	- Cơ quan thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo; - Cơ quan/Người có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố.	20 ngày làm việc
21.	1.000159	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn và cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam	7.5 ngày làm việc	Không	Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, cấp xã hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Nghị định số 143/2025/NĐ-CP; 37/2025/NĐ-CP; 24/2022/NĐ-CP của Chính phủ	- Cơ quan thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo; - Cơ quan/Người có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố.	15 ngày làm việc
22.	2.000632	Công nhận giám đốc	10 ngày	Không		Nghị định số	Sở Giáo dục	20 ngày

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian thực hiện sau cắt giảm	Phí, lệ phí	Cách thức và Địa điểm thực hiện	Tên VBQPPL quy định TTHC	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện trước cắt giảm
		trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực	làm việc		(https://dichvucong.gov.vn)	37/2025/NĐ-CP; 48/2015/NĐ-CP của Chính phủ	và Đào tạo	làm việc
23.	1.000482	Chuyển đổi trường trung học nghề tư thực, trường trung cấp tư thực, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực sang trường học nghề tư thực, trường trung cấp tư thực, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực hoạt động không vì lợi nhuận	10 ngày làm việc	Không		Nghị định số 37/2025/NĐ-CP; 24/2022/NĐ-CP; 15/2019/NĐ-CP của Chính phủ	- Cơ quan thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo; - Cơ quan/Người có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố.	20 ngày làm việc
V.	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân							
24.	2.002811	Phê duyệt Đề án dạy và học bằng tiếng nước ngoài	6 ngày làm việc	Không	Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, cấp xã hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Nghị định số 222/2025/NĐ-CP của Chính phủ	Sở Giáo dục và Đào tạo	12 ngày làm việc
25.	2.002813	Chấm dứt hoạt động của Đề án dạy và học bằng tiếng nước ngoài	1.5 ngày làm việc	Không		Nghị định số 222/2025/NĐ-CP của Chính phủ	Sở Giáo dục và Đào tạo	3 ngày làm việc
26.	2.002812	Gia hạn hoặc điều chỉnh Đề án dạy và học bằng tiếng nước ngoài	2.5 ngày làm việc	Không		Nghị định số 222/2025/NĐ-CP của Chính phủ	Sở Giáo dục và Đào tạo	5 ngày làm việc
27.	1.000691	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia	35 ngày làm việc	Không		Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT; 22/2024/TT-BGDĐT; 18/2018/TT-	Sở Giáo dục và Đào tạo	75 ngày làm việc

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian thực hiện sau cắt giảm	Phí, lệ phí	Cách thức và Địa điểm thực hiện	Tên VBQPPL quy định TTHC	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện trước cắt giảm
					(https://dichvucong.gov.vn)	BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo		
28.	1.000288	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	35 ngày làm việc	Không		Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT; 22/2024/TT-BGDĐT; 18/2018/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	75 ngày làm việc
29.	1.000280	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	35 ngày làm việc	Không	Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, cấp xã hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT; 22/2024/TT-BGDĐT; 18/2018/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	75 ngày làm việc
30.	1.000729	Xếp hạng Trung tâm giáo dục thường xuyên	15 ngày làm việc	Không		Thông tư số 48/2008/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	30 ngày làm việc
31.	2.002593	Đề nghị đánh giá, công nhận Đơn vị học tập cấp tỉnh	15 ngày làm việc	Không		Thông tư số 24/2023/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo	- Cơ quan thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo; - Cơ quan/Người có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố.	30 ngày làm việc
32.	1.009002	Đăng ký hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí	7.5 ngày làm việc	Không	Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc trực	Nghị định số 60/2025/NĐ-CP;	Sở Giáo dục và Đào	15 ngày làm việc

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian thực hiện sau cắt giảm	Phí, lệ phí	Cách thức và Địa điểm thực hiện	Tên VBQPPL quy định TTHC	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện trước cắt giảm
		sinh hoạt đối với sinh viên học các ngành đào tạo giáo viên tại các đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng được phép đào tạo giáo viên			tuyển hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, cấp xã, cơ sở giáo dục hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	116/2020/NĐ-CP của Chính phủ	tạo/Cơ sở giáo dục	
33.	1.014333	Đề nghị miễn, giảm học phí trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục đại học công lập	5 ngày làm việc	Không		Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ	Sở Giáo dục và Đào tạo/Cơ sở giáo dục	10 ngày làm việc
34.	1.014334	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong trường trung học phổ thông tư thục, cơ sở giáo dục thường xuyên tư thục, trường trung học phổ thông trong các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu	5 ngày làm việc	Không		Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ	Sở Giáo dục và Đào tạo/Cơ sở giáo dục	10 ngày làm việc
35.	1.002982	Hỗ trợ học tập đối với học sinh trung học phổ thông các dân tộc thiểu số rất ít người	5 ngày làm việc	Không		Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ	Sở Giáo dục và Đào tạo/Cơ sở giáo dục	10 ngày làm việc
36.	1.001714	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập	7.5 ngày làm việc	Không		Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC	Sở Giáo dục và Đào tạo/Cơ sở	15 ngày làm việc

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian thực hiện sau cắt giảm	Phí, lệ phí	Cách thức và Địa điểm thực hiện	Tên VBQPPL quy định TTHC	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện trước cắt giảm
		dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục					giáo dục	
37.	2.002851	Xét, cấp học bổng chính sách đối với sinh viên học theo chế độ cử tuyển	5 ngày làm việc	Không	Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, cấp xã, cơ sở giáo dục hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Nghị định số 66/2026/NĐ-CP của Chính phủ	Sở Giáo dục và Đào tạo/Cơ sở giáo dục	10 ngày làm việc
38.	2.002854	Chuyển trường và tiếp nhận học sinh	4 ngày làm việc	Không		Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cơ sở giáo dục	8 ngày làm việc
39.	2.002857	Tiếp nhận học sinh xin học lại	2.5 ngày làm việc	Không		Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cơ sở giáo dục	5 ngày làm việc
40.	2.002855	Tiếp nhận học sinh Việt Nam từ nước ngoài về nước	4 ngày làm việc	Không		Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cơ sở giáo dục	8 ngày làm việc
41.	2.002856	Tiếp nhận học sinh người nước ngoài	4 ngày làm việc	Không		Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cơ sở giáo dục	8 ngày làm việc
VI.	Lĩnh vực Giáo dục, đào tạo với nước ngoài							
42.	1.013767	Giải thể, chấm dứt cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ thành lập	10 ngày làm việc	Không	Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành	Nghị định số 143/2025/NĐ-CP; 86/2018/NĐ-CP của Chính phủ	- Cơ quan thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo; - Cơ quan/Người có thẩm	20 ngày làm việc

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian thực hiện sau cắt giảm	Phí, lệ phí	Cách thức và Địa điểm thực hiện	Tên VBQPPL quy định TTHC	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện trước cắt giảm
					chính công thành phố, cấp xã hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)		quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố.	
43.	2.000545	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ	15 ngày làm việc	Không		Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; 143/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP của Chính phủ	- Cơ quan thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo; - Cơ quan/Người có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố.	30 ngày làm việc
44.	1.008723	Chuyển đổi trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư và bảo đảm điều kiện hoạt động; cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang trường trung học phổ	6.5 ngày làm việc	Không	Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, cấp xã hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; 84/2020/NĐ-CP của Chính phủ	- Cơ quan thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo; - Cơ quan/Người có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố.	13 ngày làm việc

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian thực hiện sau cắt giảm	Phí, lệ phí	Cách thức và Địa điểm thực hiện	Tên VBQPPL quy định TTHC	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện trước cắt giảm
		thông tư thực, trường phổ thông tư thực có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động không vì lợi nhuận			.gov.vn)			
45.	1.008721	Chuyển đổi cơ sở giáo dục phổ thông tư thực do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận	6.5 ngày làm việc	Không		Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; 84/2020/NĐ-CP của Chính phủ	- Cơ quan thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo; - Cơ quan/Người có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố.	13 ngày làm việc
46.	1.008720	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thực hoạt động không	6.5 ngày làm việc	Không		Nghị định số 143/2025/NĐ-CP; 84/2020/NĐ-CP của Chính phủ	- Cơ quan thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo; - Cơ quan/Người có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân	13 ngày làm việc

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian thực hiện sau cắt giảm	Phí, lệ phí	Cách thức và Địa điểm thực hiện	Tên VBQPPL quy định TTHC	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện trước cắt giảm
		vì lợi nhuận					thành phố.	
VII.	Lĩnh vực thi, tuyển sinh							
47.	1.013338	Xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông	3.5 ngày làm việc	Không	Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, cấp xã hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Thông tư số 24/2024/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	7 ngày làm việc
48.	1.005095	Phúc khảo bài thi tốt nghiệp trung học phổ thông	7.5 ngày làm việc	Không		Thông tư số 24/2024/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	15 ngày làm việc
49.	1.009394	Đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển	17.5 ngày làm việc	Không		Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP; Nghị định số 141/2020/NĐ-CP của Chính phủ	Sở Giáo dục và Đào tạo	35 ngày làm việc
50.	1.005098	Xét đặc cách tốt nghiệp trung học phổ thông	15 ngày làm việc	Không		Thông tư số 24/2024/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	30 ngày làm việc
VII I.	Lĩnh vực Kiểm định chất lượng giáo dục							
51.	1.000715	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	35 ngày làm việc	Không	Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, cấp xã hoặc nộp trực tuyến trên	Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT; 22/2024/TT-BGDĐT; 19/2018/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	75 ngày làm việc
52.	1.000711	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	35 ngày làm việc	Không		Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT; 22/2024/TT-BGDĐT; 19/2018/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	75 ngày làm việc

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian thực hiện sau cắt giảm	Phí, lệ phí	Cách thức và Địa điểm thực hiện	Tên VBQPPL quy định TTHC	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện trước cắt giảm
53.	1.000713	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	35 ngày làm việc	Không	Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT; 22/2024/TT-BGDĐT; 19/2018/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT	Sở Giáo dục và Đào tạo	75 ngày làm việc
54.	1.000259	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trung tâm giáo dục thường xuyên	20 ngày làm việc	Không	Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, cấp xã hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Thông tư số 42/2012/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	40 ngày làm việc
55.	1.005061	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	7.5 ngày làm việc	Không		Nghị định số 125/2024/NĐ-CP của Chính phủ	Sở Giáo dục và Đào tạo	15 ngày làm việc
56.	1.012960	Điều chỉnh, bổ sung, gia hạn giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	7.5 ngày làm việc	Không		Nghị định số 125/2024/NĐ-CP của Chính phủ	Sở Giáo dục và Đào tạo	15 ngày làm việc
57.	2.001987	Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại	7.5 ngày làm việc	Không		Nghị định số 125/2024/NĐ-CP của Chính phủ	Sở Giáo dục và Đào tạo	15 ngày làm việc

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian thực hiện sau cắt giảm	Phí, lệ phí	Cách thức và Địa điểm thực hiện	Tên VBQPPL quy định TTHC	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện trước cắt giảm
I.	Lĩnh vực các cơ sở giáo dục khác							
1.	1.012975	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục	5 ngày làm việc	Không	Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch	Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; 125/2024/NĐ-CP;	UBND cấp xã	10 ngày làm việc

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian thực hiện sau cắt giảm	Phí, lệ phí	Cách thức và Địa điểm thực hiện	Tên VBQPPL quy định TTHC	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện trước cắt giảm
		phổ thông cấp tiểu học			vụ bưu chính công ích. Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, cấp xã hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	66.16/2026/NQ-CP của Chính phủ		
II. Lĩnh vực Giáo dục mầm non								
2.	1.012973	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập	8 ngày làm việc		Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, cấp xã hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; 125/2024/NĐ-CP; 66.16/2026/NQ-CP của Chính phủ	UBND cấp xã	20 ngày làm việc
3.	1.012971	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập	7,5 ngày làm việc			Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; 125/2024/NĐ-CP; 66.16/2026/NQ-CP của Chính phủ	UBND cấp xã	15 ngày làm việc
4.	1.012974	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	5 ngày làm việc			Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; 125/2024/NĐ-CP; 66.16/2026/NQ-CP của Chính phủ	UBND cấp xã	10 ngày làm việc
5.	1.014996	Chuyển đổi nhà trẻ,	6,5 ngày	Không		Nghị định số	UBND cấp	13 ngày

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian thực hiện sau cắt giảm	Phí, lệ phí	Cách thức và Địa điểm thực hiện	Tên VBQPPL quy định TTHC	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện trước cắt giảm
		trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài đề nghị thành lập sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	làm việc			66/2026/NĐ-CP của Chính phủ	xã	làm việc
III.	Lĩnh vực Giáo dục trung học							
6.	1.012964	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	12.5 ngày làm việc	Không	Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, cấp xã hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; 125/2024/NĐ-CP; 66.16/2026/NQ-CP; 93/2026/NQ-CP của Chính phủ	UBND cấp xã	25 ngày làm việc
7.	1.012968	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	10 ngày làm việc	Không		Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; 125/2024/NĐ-CP; 66.16/2026/NQ-CP; 93/2026/NQ-CP của Chính phủ	UBND cấp xã	20 ngày làm việc
8.	1.012967	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có	12.5 ngày làm việc	Không	Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch	Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; 125/2024/NĐ-CP;	UBND cấp xã	25 ngày làm việc

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian thực hiện sau cắt giảm	Phí, lệ phí	Cách thức và Địa điểm thực hiện	Tên VBQPPL quy định TTHC	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện trước cắt giảm
		nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở			vụ bưu chính công ích. Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, cấp xã hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	66.16/2026/NQ-CP của Chính phủ		
9.	1.012965	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	7.5 ngày làm việc	Không		Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; 125/2024/NĐ-CP; 66.16/2026/NQ-CP; 66.18/2026/NQ-CP; 93/2026/NQ-CP của Chính phủ	UBND cấp xã	15 ngày làm việc
IV. Lĩnh vực Giáo dục tiểu học								
10.	1.012963	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học	10 ngày làm việc	Không	Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, cấp xã hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; 124/2024/NĐ-CP; 125/2024/NĐ-CP; 66.16/2026/NQ-CP; 93/2026/NQ-CP của Chính phủ	UBND cấp xã	20 ngày làm việc
11.	1.004563	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	10 ngày làm việc	Không	Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, cấp xã hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; 125/2024/NĐ-CP; 66.16/2026/NQ-CP của Chính phủ	UBND cấp xã	20 ngày làm việc
12.	2.001842	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	7 ngày làm việc	Không	Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc trực	Nghị định số 142/2025/NĐ-CP;	UBND cấp xã	14 ngày làm việc

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian thực hiện sau cắt giảm	Phí, lệ phí	Cách thức và Địa điểm thực hiện	Tên VBQPPL quy định TTHC	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện trước cắt giảm
					tuyển hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, cấp xã hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	124/2024/NĐ-CP; 125/2024/NĐ-CP; 66.16/2026/NQ-CP của Chính phủ		
13.	1.001639	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	10 ngày làm việc	Không		Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; 125/2024/NĐ-CP; 66.16/2026/NQ-CP; 93/2026/NQ-CP của Chính phủ	UBND cấp xã	20 ngày làm việc
V.	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp							
14.	2.002284	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc xã	1.5 ngày làm việc	Không	Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, cấp xã hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Nghị định số 37/2025/NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư số 11/2025/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo	UBND cấp xã/ Cơ sở giáo dục	3 ngày làm việc
15.	2.001960	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ	1.5 ngày làm việc	Không		Nghị định số 37/2025/NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư số 08/2023/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐ-TB, XH	UBND cấp xã/ Cơ sở giáo dục	3 ngày làm việc

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian thực hiện sau cắt giảm	Phí, lệ phí	Cách thức và Địa điểm thực hiện	Tên VBQPPL quy định TTHC	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện trước cắt giảm
		sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài						
VI.	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân							
16.	1.008725	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động không vì lợi nhuận	6.5 ngày làm việc	Không	Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, cấp xã hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; 84/2020/NĐ-CP của Chính phủ	UBND cấp xã	13 ngày làm việc
17.	2.002770	Xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	3.5 ngày làm việc	Không	Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công	Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ	UBND cấp xã/ Cơ sở giáo dục	7 ngày làm việc
18.	2.002771	Xét duyệt trẻ em nhà trẻ bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	2.5 ngày làm việc	Không	ích. Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành	Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; 66/2025/NĐ-CP của	UBND cấp xã/ Cơ sở giáo dục	5 ngày làm việc

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian thực hiện sau cắt giảm	Phí, lệ phí	Cách thức và Địa điểm thực hiện	Tên VBQPPL quy định TTHC	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện trước cắt giảm
					chính công thành phố, cấp xã hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Chính phủ		
19.	1.008951	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	8.5 ngày làm việc	Không		Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; 105/2020/NĐ-CP của Chính phủ	UBND cấp xã	17 ngày làm việc
20.	1.008950	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	12 ngày làm việc	Không		Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; 104/2022/NĐ-CP; 105/2020/NĐ-CP của Chính phủ	UBND cấp xã/ Cơ sở giáo dục	24 ngày làm việc
21.	1.014997	Xét, cấp học bổng chính sách đối với học viên cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục dành cho thương binh, người khuyết tật	5 ngày làm việc	Không	Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ	UBND cấp xã/ Cơ sở giáo dục	10 ngày làm việc
22.	1.001714	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	12 ngày làm việc	Không	Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, cấp xã hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC	UBND cấp xã/ Cơ sở giáo dục	
23.	1.001622	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	12 ngày làm việc	Không		Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; 104/2022/NĐ-CP; 105/2020/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-	UBND cấp xã/ Cơ sở giáo dục	24 ngày làm việc

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian thực hiện sau cắt giảm	Phí, lệ phí	Cách thức và Địa điểm thực hiện	Tên VBQPPL quy định TTHC	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện trước cắt giảm
						CP của Chính phủ		
24.	1.014335	Đề nghị miễn, giảm học phí trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học tư thục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học thuộc tổ chức kinh tế, doanh nghiệp nhà nước	7.5 ngày làm việc	Không	Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, cấp xã hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ	UBND cấp xã/ Cơ sở giáo dục	15 ngày làm việc
25.	1.014336	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non công lập, cơ sở giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông	5 ngày làm việc	Không		Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ	UBND cấp xã/ Cơ sở giáo dục	10 ngày làm việc
26.	1.014337	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục; trường tiểu học, trường trung học cơ sở, cơ sở giáo dục thường xuyên tư thục; cơ sở giáo dục mầm non, trường tiểu học, trung học cơ sở trong các	5 ngày làm việc	Không		Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ	UBND cấp xã/ Cơ sở giáo dục	10 ngày làm việc

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian thực hiện sau cắt giảm	Phí, lệ phí	Cách thức và Địa điểm thực hiện	Tên VBQPPL quy định TTHC	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện trước cắt giảm
		trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu						
27.	2.002854	Chuyển trường và tiếp nhận học sinh	4 ngày làm việc	Không	Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, cấp xã hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo	UBND cấp xã/ Cơ sở giáo dục	8 ngày làm việc
28.	2.002857	Tiếp nhận học sinh xin học lại	2.5 ngày làm việc	Không		Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo	UBND cấp xã/ Cơ sở giáo dục	5 ngày làm việc
29.	2.002855	Tiếp nhận học sinh Việt Nam từ nước ngoài về nước	4 ngày làm việc	Không		Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT	UBND cấp xã/ Cơ sở giáo dục	8 ngày làm việc
30.	2.002856	Tiếp nhận học sinh người nước ngoài	4 ngày làm việc	Không		Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT	UBND cấp xã/ Cơ sở giáo dục	8 ngày làm việc
VII. Lĩnh vực Giáo dục thường xuyên								
31.	1.012969	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng	7.5 ngày làm việc	Không	Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố, cấp xã hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công	Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; 125/2024/NĐ-CP; 66.16/2026/NQ-CP của Chính phủ	UBND cấp xã	15 ngày làm việc
32.	3.000308	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	5 ngày làm việc	Không		Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; 125/2024/NĐ-CP; 66.16/2026/NQ-CP của Chính phủ	UBND cấp xã	10 ngày làm việc
33.	3.000307	Sáp nhập, chia, tách	10 ngày	Không		Nghị định số	UBND cấp	20 ngày

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian thực hiện sau cắt giảm	Phí, lệ phí	Cách thức và Địa điểm thực hiện	Tên VBQPPL quy định TTHC	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện trước cắt giảm
		trung tâm học tập cộng đồng	làm việc		quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	142/2025/NĐ-CP; 125/2024/NĐ-CP; 66.16/2026/NQ-CP của Chính phủ	xã	làm việc

*** Ghi chú:**

- Nội dung chi tiết của các thủ tục hành chính đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>);

- Thủ tục hành chính số 22, 30 mục A được ủy quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo theo Quyết định số 2762/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố/Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ủy quyền giải quyết cho Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Huế;

- 51 TTHC cấp tỉnh và 10 TTHC cấp xã bị bãi bỏ tại Khoản 2 và 3 của Điều 3 Quyết định này thực hiện theo Quyết định số 1780/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế về Công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Huế và Quyết định số 1857/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế về Công bố danh mục thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong các lĩnh vực giáo dục tiểu học, lĩnh vực giáo dục trung học, lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, lĩnh vực Giáo dục, đào tạo với nước ngoài và lĩnh vực cơ sở giáo dục khác thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo./.

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH GIỮ NGUYÊN THỜI GIAN THỰC HIỆN

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết theo quy định	Quyết định công bố TTHC
-----	---------	----------	------------------------------------	-------------------------

I. CẤP TỈNH: 08 THPT				
1.	1.014957	Tuyển sinh vào trường phổ thông nội trú	Không quy định	Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 23/3/2026
2.	3.000465	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp tỉnh)	1	Quyết định số 1415/QĐ-UBND ngày 29/4/2026
3.	2.001806	Xét tuyển học sinh vào trường dự bị đại học	Theo đợt tuyển sinh	Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 28/7/2021
4.	1.001942	Đăng ký xét tuyển trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành giáo dục mầm non	Theo Kế hoạch tuyển sinh hằng năm	Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 28/7/2021
5.	1.003734	Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin	Không quy định	Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 28/7/2021
6.	1.005090	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	Tùy theo đợt	Quyết định số 1886/QĐ-UBND ngày 27/6/2025
7.	1.005142	Đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Theo hướng dẫn tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT hằng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 451/QĐ-UBND ngày 20/2/2025
8.	3.000181	Tuyển sinh trung học phổ thông	Theo Kế hoạch và Thông báo tuyển sinh hằng năm	Quyết định số 441/QĐ-UBND ngày 20/2/2025
II. CẤP XÃ: 11				
9.	1.005108	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	Không quy định	Quyết định số 1853/QĐ-UBND ngày 28/7/2021
10.	2.001904	Tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	Không quy định	Quyết định số 1853/QĐ-UBND ngày 28/7/2021
11.	1.003702	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	Không quy định	Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 27/2/2019
12.	3.000182	Tuyển sinh trung học cơ sở	Theo Kế hoạch và Thông báo tuyển sinh hằng năm	Quyết định số 1886/QĐ-UBND ngày 27/6/2025
13.	1.005090	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	Tùy theo đợt	Quyết định số 1886/QĐ-UBND ngày 27/6/2025

14.	1.000715	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Không quy định	Quyết định số 1886/QĐ-UBND ngày 27/6/2025
15.	1.000713	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Không quy định	Quyết định số 1886/QĐ-UBND ngày 27/6/2025
16.	1.000711	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Không quy định	Quyết định số 1886/QĐ-UBND ngày 27/6/2025
17.	1.000691	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia	Không quy định	Quyết định số 1886/QĐ-UBND ngày 27/6/2025
18.	1.000288	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	Không quy định	Quyết định số 1886/QĐ-UBND ngày 27/6/2025
19.	1.000280	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	Không quy định	Quyết định số 1886/QĐ-UBND ngày 27/6/2025

Phụ lục II
DANH MỤC QUYẾT ĐỊNH CỦA CHỦ TỊCH UBND THÀNH PHỐ
ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VỀ THỜI GIAN THỰC HIỆN
(kèm theo Quyết định số 2136/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2026
của Chủ tịch UBND thành phố Huế)

1. Các TTHC có số thứ tự 41, 45 mục 1, Danh mục kèm theo Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 28/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế) về công bố danh mục TTHC được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Giáo dục và Đào tạo;

2. TTHC có số thứ tự 01 Danh mục kèm theo Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 15/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế) về công bố danh mục TTHC mới ban hành trong lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo;

3. TTHC có số thứ tự 01 Danh mục kèm theo Quyết định số 2733/QĐ-UBND ngày 22/10/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế) về công bố danh mục TTHC được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Hệ thống văn bằng, chứng chỉ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo;

4. TTHC có số thứ tự 06 Phụ lục II Danh mục kèm theo Quyết định số 2935/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế) về công bố danh mục TTHC mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; TTHC bị bãi bỏ thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Giáo dục và Đào tạo;

5. Các TTHC có số thứ tự 01 tại phụ lục I và số thứ tự 02, 03 tại Phụ lục II, Danh mục kèm theo Quyết định số 451/QĐ-UBND ngày 21/02/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về công bố danh mục TTHC mới ban hành; TTHC được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thi, tuyển sinh thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Huế;

6. TTHC có số thứ tự 01 Danh mục kèm theo Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 10/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về công bố danh mục TTHC được sửa đổi, bổ sung, lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Huế;

7. Các TTHC có số thứ tự 01, 02 mục 1. Danh mục TTHC mới ban hành kèm theo Quyết định số 1299/QĐ-UBND ngày 07/5/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về công bố danh mục TTHC mới ban hành và bị bãi bỏ lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo;

8. Các TTHC có số thứ tự 17, 18, 21, Danh mục kèm theo Quyết định số 767/QĐ-UBND ngày 20/3/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về công bố danh mục TTHC lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Giáo dục và Đào tạo;

9. Các TTHC có số thứ tự 10, 11 tại Phụ lục I và số thứ tự 01 tại Phụ lục II,

Danh mục kèm theo Quyết định số 1789/QĐ-UBND ngày 24/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về công bố danh mục TTHC được sửa đổi, bổ sung và được thay thế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND cấp xã;

10. Các TTHC có số thứ tự 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 10, 11 tại Phụ lục I, Danh mục kèm theo Quyết định số 1886/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về công bố danh mục TTHC được sửa đổi, bổ sung và được thay thế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND cấp xã;

11. TTHC có số thứ tự 03 Phụ lục I, Danh mục kèm theo Quyết định số 2027/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về công bố danh mục TTHC được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo;

12. Các TTHC có số thứ tự 01, 02, 03, 04, 05 Danh mục kèm theo Quyết định số 3031/QĐ-UBND ngày 22/9/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về công bố danh mục TTHC được thay thế lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo;

13. Các TTHC có số thứ tự 01, 02 tại Phụ lục 1 và số thứ tự 01 tại Phụ lục 2, Danh mục kèm theo Quyết định số 3191/QĐ-UBND ngày 09/10/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về công bố danh mục TTHC mới ban hành; thủ tục hành chính được thay thế lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo;

14. TTHC có số thứ tự 01 mục I Danh mục kèm theo Quyết định số 1172/QĐ-UBND ngày 07/4/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về công bố danh mục TTHC mới ban hành; TTHC được sửa đổi, bổ sung và TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực văn bằng, chứng chỉ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo;

15. Các TTHC có số thứ tự 01, 02, 03, 04 mục A; số 01 mục B tại Phụ lục I và số thứ tự 01 mục A; số 01, 02 mục B tại Phụ lục II, Danh mục kèm theo Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 17/4/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về danh mục TTHC được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong các lĩnh vực giáo dục mầm non, giáo dục trung học, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Huế;

16. Các TTHC có số thứ tự 11, 12, 14, 19, 20 tại Phụ lục I và số thứ tự 04, 06 tại Phụ lục II, Danh mục kèm theo Quyết định số 1415/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về công bố danh mục TTHC được sửa đổi, bổ sung trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo;

17. Các TTHC có số thứ tự 01, 02, 03, 04 tại Phụ lục I, Danh mục kèm theo Quyết định số 1592/QĐ-UBND ngày 20/5/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về công bố danh mục TTHC mới ban hành lĩnh vực Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực Giáo dục tiểu học,

Giáo dục trung học thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo;

18. Các TTHC có số thứ tự: 21, 23, 24, 36, 57, 101 tại Phụ lục I và số thứ tự 02 tại phụ lục II, Danh mục kèm theo Quyết định số 1759/QĐ-UBND ngày 01/6/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt phương án đơn giản hóa về cắt giảm 50% thời gian giải quyết TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Huế;

19. Các TTHC có số thứ tự 07, 08, 27, 32, 34, 37, 38, 39, 41, 45 mục 1. Danh mục TTHC được sửa đổi, bổ sung kèm theo Quyết định số 1780/QĐ-UBND ngày 02/6/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về công bố danh mục TTHC được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; TTHC bị bãi bỏ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo;

20. Các TTHC có số thứ tự 01, 02, 03 mục A và số thứ tự 01, 02 mục B tại Phụ lục I, Danh mục kèm theo Quyết định số 1857/QĐ-UBND ngày 05/6/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về công bố danh mục TTHC được thay thế; TTHC bị bãi bỏ trong các lĩnh vực giáo dục tiểu học, lĩnh vực giáo dục trung học, lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, lĩnh vực Giáo dục, đào tạo với nước ngoài và lĩnh vực cơ sở giáo dục khác thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo.